

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THAN UYÊN
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Bản án số: 01/2012/TCDS- ST
Ngày: 16/2/2012**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THAN UYÊN, LAI CHÂU
*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Giang Thị Vượng

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông : Cầm Xuân Xanh ; Nghề nghiệp: Hưu trí.

Nơi cư trú : Khu 6 thị trấn Than Uyên, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.

2. Ông Phan Văn Ngọc Nghề nghiệp : Cán bộ

Nơi công tác Phòng Tài chính- kế hoạch huyện Than Uyên, Lai Châu.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương - Cán bộ
Toà án nhân dân huyện Than Uyên, Lai Châu.

Kiểm sát viên tham gia phiên toà: ông L- ơng Văn Thu - kiểm sát viên Viện
kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu.

Trong ngày 16 tháng 02 năm 2012 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu. Xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 04/2010/ DSST ngày 20/12/2010 về việc: “ Tranh chấp quyền sử dụng đất Giữa:

Nguyên đơn: Phạm Thị A– Sinh năm: 1964

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Văn hoá: 7/12; Nghề nghiệp: Tự do.- Trú tại: Khu 10, thị trấn Than Uyên, huyện Than Uyên, Lai Châu. (có mặt tại phiên toà).

Đồng bị đơn:

1. Hoàng Văn B sinh năm: 1953

Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Văn hoá: 10/10; Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí.

2. Lương Văn C - sinh năm: 1960.

Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Văn hoá: 10/10; Nghề nghiệp: Trồng trọt.

- Điều trú quán: Khu 9, thị trấn Than Uyên huyện Than Uyên, Lai Châu. (có mặt tại phiên toà).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu: Đại diện theo ủy quyền là ông D - Phó phòng tài nguyên và môi trường (có mặt).

2. Bà L- ờng Thị E (là vợ của ông Hoàng Văn B)

Trú quán: Khu 9, thị trấn Than Uyên huyện Than Uyên, Lai Châu(có mặt tại phiên tòa).

NHẬN THẤY

Tại đơn khởi kiện ngày 18/12/2010 của chị Phạm Thị A trình bày: Năm 1992 gia đình chị A được công ty chè Than Uyên cấp 4.438m² đất để chồng chè theo dự án 327, sau đó trồng cây lâm nghiệp, tới năm 2005 gia đình chị A được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2007 do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên chị A phải đi làm ăn xa nhà, cũng trong thời gian đó gia đình ông Hoàng Văn B đã san gạt và dựng nhà trên lô đất của gia đình chị A, chị A đã nhiều lần nhờ ông Vũ Trường Sinh là trưởng khu 10 thị trấn huyện Than Uyên đến để giải quyết tình cảm với gia đình ông B nhưng do ông B không đồng ý, chị A tiếp tục có đơn đề nghị tới ủy ban nhân dân thị trấn Than Uyên để giải quyết, ủy ban thị trấn Than Uyên đã tiến hành hoà giải giữa hai bên nhưng ông B vẫn không đồng ý trả đất với lý do nguồn gốc đất là của ông, trong khi đó ông không có giấy tờ chứng nhận quyền sử dụng đất, vì vậy chị A khởi kiện yêu cầu ông B trả lại lô đất và đền bù toàn bộ số cây lâm nghiệp mà ông B đã khai thác trên lô đất của chị A.

Bị đơn ông Hoàng Văn B trình bày: Nguồn gốc đất của gia đình ông là bắt nguồn từ việc bố ông là ông Hoàng Văn Khỏ sinh năm 1922 hiện đã chết, cùng với gia đình ông Lò Văn Anh và ông Lương Văn C khai hoang từ những năm 1970. Ông có nói rằng gia đình ông là người bản xứ sinh sống trên vùng đất này từ lâu đời, việc ông khai hoang lô đất trên đều được 2 gia đình ông Anh và ông C biết vì lô đất của ông nằm giữa lô đất của 2 ông. Năm 1986 ông B đi học không có người trông coi nên ông có cho ông Lương Văn C trông nom hộ. Đến năm 1992 có dự án trồng chè vốn 327 của huyện Than Uyên khuyến khích người dân trồng chè thì ông Nguyễn Thành Trung chồng của chị A trú tại khu 9 thị trấn Than Uyên hỏi mượn ông C và ông C hỏi ý kiến ông thì ông B cũng đồng ý cho ông Trung mượn, ông B có nói khi nào ông lấy lại thì phải trả. *(Việc hỏi mượn đất ông B chỉ thoả thuận bằng miệng không làm văn bản giấy tờ gì)*. Đến ngày 8/3/2004 ông cùng con trai là Hoàng Ánh Dương có đến nhà anh chị A Trung để hỏi xin lại đất thì ông Trung có trả lời: " Đất của ông B thì ông cứ lấy" do vậy ngày 15/3/2004 ông B tiến hành san gạt đất để làm nhà từ đó đến nay không thấy chị A đến tranh chấp gì. Cho đến tháng 10/2010 chị A đến nhà ông đòi lại đất và chứng minh chị có sổ đỏ. Do vậy ông đề nghị toà án xác minh sổ đỏ của chị A do UBND huyện Than Uyên cấp, vì ông cho rằng việc UBND làm sổ đỏ cho chị A là không có căn cứ pháp lý, bản đồ đất vẽ vu vơ, và chị A có dấu hiệu làm sổ đỏ lén lút, bản thân ông B không biết chị A có sổ đỏ từ khi nào.

Ngày 09/10/2011 chị A làm đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện, theo nội dung đơn khởi kiện bổ sung chị A trình bày thực tế lô đất trên của chị ông

Hoàng Văn B đang sử dụng 2/3 còn lại 1/3 diện tích là do ông Lương Văn C đang sử dụng để trồng cây lâm nghiệp chị Thẩm yêu cầu buộc ông B và ông C phải hoàn trả lại lô đất trên cho chị và bồi thường toàn bộ số cây lâm nghiệp mà ông B và ông C đã khai thác trên lô đất của chị.

Bị đơn : Anh Lương Văn C trình bày: Lô đất của ông B đang ở cũng tiếp giáp với lô đất của gia đình anh C, có nghĩa lô đất của ông B nằm ở giữa lô ông C và lô đất ông Lò Văn Anh. Ông C khai nguồn gốc đất của ông B là do các gia đình là những người dân gốc sống lâu đời ở đây khai hoang từ những năm 1970. Bố ông B là ông Hoàng Văn Khỏ đã khai hoang sau đó để lại cho ông B sử dụng, do ông B không có người làm thì anh mượn để làm nương, nhưng anh Nguyễn Thành Trung là bạn của anh C có đến hỏi mượn đất để được vay vốn theo dự án 327 để trồng chè, thì anh C đã dẫn anh Trung đến nhà ông B hỏi mượn, ông B đồng ý cho mượn với điều kiện khi nào ông B hỏi thì phải trả lại. *(việc cho mượn chỉ là miệng không có văn bản)*. Khi chị A có sổ đỏ lô đất trên của ông B bản thân anh C cũng không biết mà hiện nay anh Trung chồng chị A thì đã chết. Nhưng lô đất mà ông B và chị A đang tranh chấp thể hiện ở sổ đỏ mang tên chị A và sơ đồ địa chính như vậy nhưng trên thực tế anh đang sử dụng 1/2 lô đất mà hai bên tranh chấp. Anh có khai đã sử dụng hơn 10 năm rõ ràng là chị A bị xâm phạm quyền lợi mà không có ý kiến gì. Chúng mình rằng lô đất mang tên chị A là nguồn gốc từ thời xa xưa mà gia đình ông B thực tế khai hoang do vậy anh C cũng đề nghị toà án điều tra xác minh nguồn gốc đất, và xác minh sổ đỏ cung cấp cho chị A. Quan điểm của anh đang sử dụng 1/2 lô đất mang tên chị A nếu chị A có đòi lại thì anh C cũng không trả cho chị A mà sẽ trả lại cho ông B

Người làm chứng: Ông Lò Văn Anh trình bày: Lô đất hiện nay ông B làm nhà có nguồn gốc là từ những năm 1970 gia đình ông và gia đình bố ông B tên là Hoàng Văn Khỏ khai phá để làm nương ngô nương sắn. Mỗi gia đình khai phá một lô, lô đất của ông giáp danh với lô đất của ông Khỏ sau này ông Khỏ cho con trai là ông Hoàng Văn B sử dụng. Từ đó đến năm 1992- 1994 gia đình ông cũng khai phá trồng chè, khoảng thời gian này ông B có còn sử dụng đất nữa hay ông B hay cho ai mượn ông đều không biết. Đối với lô đất của ông Anh cũng được cấp sổ đỏ vào năm 2005

Người làm chứng: Lò Văn Cơi nguyên là trưởng khu 9 thị trấn Than Uyên trình bày: Ông làm trưởng khu từ những năm 1998 đến năm 2008 thì không làm nữa, việc trao đổi mượn đất giữa ông Hoàng Văn B và anh Nguyễn Thành Trung thì trong thời gian ông làm trưởng khu ông không được nắm rõ. Nhưng về nguồn gốc đất thì ông khai rằng ông là người dân sống lâu năm đã thấy bố ông B Là ông Hoàng Văn Khỏ khai hoang từ những năm 1969 - 1970. Sau này ông Cơi cũng có biết ông B đang sử dụng lô đất này.

UBND thị trấn Than Uyên có hoà giải nhưng không thành, đề nghị Toà án huyện Than Uyên xác minh lại số liệu ghi trong bản đồ số 02 năm 2000 có tên chị A thửa số 115 có diện tích 4746 m², ông B có thửa số 116 có diện tích 1911 m² nhưng đến năm 2004 tỉnh Lai Châu có chủ trương cấp lại sổ đỏ thì ông B

không có tên trong bản đồ mà hiện tại lô đất nêu trên mang tên vợ chồng ông Nguyễn Thành Trung bà Phạm Thị Thắm. UBND đề nghị Toà ở là m rõ.

Ngày 22/4/2011 Toà án huyện Than Uyên xác minh như sau: Tại bản đồ số 02 năm 2000 thửa đất số 115 có diện tích 4746 m² mang tên hộ ông Nguyễn Thành Trung bà Phạm Thị A, thửa liền kề số 116 mang tên bà Lương Thị D có diện tích 1911 m², hai thửa đất nói trên nằm liền kề nhau.

Tại bản đồ số 01 năm 2005 thửa đất số 175 mang tên hộ ông Nguyễn Thành Trung bà Phạm Thị A, thửa liền kề số 174 là hộ ông Lương Văn C, thửa số 151 là hộ ông Lò Văn Anh, thửa số 169 là hộ ông Lò Văn Học, không có tên bà Lương Thị D trên bản đồ năm 2005 nữa.

Cũng trong ngày 22/4/2011 toà án xác minh hộ khẩu gia đình ông Nguyễn Văn Cú bố đẻ ông Nguyễn Thành Trung: Năm 1986 gia đình ông mới chuyển từ xã PắcTa huyện Than Uyên (nay là Tân Uyên) về khu 10 thị trấn sinh sống cho đến nay. Cho thấy rằng gia đình ông không phải là người dân bản địa để khai hoang đất rừng này.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Phạm Thị A vào năm 2005 nhưng tới năm 2010 bà A mới nhận được sổ đỏ. *(Việc giao sổ đỏ đã được ông Nguyễn Đăng Trường nhận hộ bà Phạm Thị A).*

Quá trình thu thập cứ cứ toà án gửi công văn số 02/2011/CV – TA ngày 02/6/2011 đến UBND huyện Than Uyên yêu cầu làm rõ quy trình cấp đất đối với hộ ông Nguyễn Thành Trung bà Phạm Thị A trú tại khu 10 thị trấn Than Uyên. Ngày 02/6/2011 Toà án ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án. Ngày 22/6/2011 UBND huyện Than Uyên có công văn trả lời thủ tục và quy trình cấp đất đối với hộ ông Nguyễn Thành Trung bà Phạm Thị A trú tại khu 10 thị trấn Than Uyên, tuy nhiên công văn của uỷ ban nhân dân huyện chỉ cung cấp được các trình tự về thủ tục cấp đất mà vẫn không nêu được việc cấp đất cho hộ bà ông Nguyễn Thành Trung bà Phạm Thị Thắm có chính xác hay không.

Toà án huyện Than Uyên tiếp tục điều tra xác minh thu thập chứng cứ , qua việc xác minh tại uỷ ban nhân dân thị trấn huyện Than Uyên và Phòng tài nguyên và môi trường huyện Than Uyên đồng thời có công văn đề nghị UBND huyện thành lập Hội đồng đo đạc, tiến hành đo đạc lại toàn bộ lô đất đang có tranh chấp giữa chị A và ông B, kết quả đo đạc lô đất tranh chấp có diện tích là 6616m². Sau khi xác minh và đo đạc lại lô đất đang tranh chấp nói trên Toà án huyện Than Uyên thấy rằng việc cấp đất cho hộ gia đình chị A về quy trình và căn cứ cấp còn có nhiều mâu thuẫn việc cấp đất cho hộ chị A là cấp mới hay cấp lại? đất cấp có đúng với vị trí như đã thu hồi không do vậy để có cơ sở giải quyết tiếp vụ án Toà án tiếp tục có công văn số: 05/2011/CV-TA ngày 25/11/2011 gửi tới UBND huyện Than Uyên để làm rõ những vấn đề nêu trên.

Ngày 15/12/2011 Toà án nhận được báo cáo số: 77/BC-TN- &MT của Phòng Tài nguyên và Môi Trường, về kết quả xác minh tranh chấp đất giữa hộ ông Hoàng văn B và bà Phạm Thị A.

Ngày 17/01/2012 Toà án nhân dân huyện Than Uyên đã mở phiên toà công khai để xét xử vụ án nhưng phía bị đơn là ông Lường Văn C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lường Thị D vắng mặt tại phiên toà lần thứ nhất nên Hội đồng xét xử đã ra quyết định hoãn phiên toà.

Ngày 16/02/2012 Toà án nhân dân huyện Than Uyên đã mở lại phiên toà để tiếp tục xét xử vụ án.

Trong thời gian hoãn phiên toà ngày 14/02/2012 Toà án nhân dân huyện Than Uyên đã nhận được công văn số 39/CV-UBND ngày 14/02/2012 của uỷ ban nhân dân huyện Than Uyên về việc phúc đáp công văn Toà án và giải quyết tranh chấp đất giữa bà A và ông B, đồng thời ngày 15/02/2012 Toà án nhận được quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình bà A.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Tài liệu có trong hồ sơ cũng như qua điều tra xác minh tại uỷ ban nhân dân thị trấn Than Uyên thấy rằng: Nguồn gốc lô đất đang tranh chấp giữa chị A với ông B, ông C là của bố ông B D ông Hoàng Văn Khở khai hoang từ những năm 1970 để làm nương sắn, nương ngô (*việc này đã có lời khai của người làm chứng là ông Lường Văn Anh, Lường Văn C, Lò Văn Cơi và một số hộ dân sinh sống đã lâu tại khu 9*) sau này ông B tiếp tục khai phá diện tích đất khai hoang nói trên, do điều kiện không có người làm nên ông B đã cho ông Lường Văn C là anh em mượn để làm nương, khoảng năm 1992, 1993 khi anh Nguyễn Thành Trung là bạn của anh Lường Văn C đến nhà ông B mượn đất để vay vốn trồng chè theo dự án Chè 327 việc cho mượn chỉ bằng miệng không được lập thành văn bản

Sự việc hộ gia đình chị A - anh Trung có phát nương trồng chè theo dự án chè 327 của xí nghiệp chè Than Uyên là có thật, tuy nhiên chị A cho rằng diện tích đất để chồng chè là do xí nghiệp chè giao cho hộ gia đình chị là không có cơ sở, căn cứ pháp luật, trên thực tế hộ gia đình chị A - anh Trung sau khi chồng cây chè được 1 năm đã bỏ không chăm sóc cây chè từ đó.

Quá trình lấy lời khai và điều tra xác minh cho thấy hộ gia đình ông Hoàng Văn B bắt đầu san gạt đất làm nhà từ năm 2004, nhưng hộ gia đình chị A cũng không có ý kiến gì tới năm 2008 ông B chính thức dựng nhà ở chị A cũng không phản ứng đối với sự kiện trên, khi được hỏi về sự việc này chị A lại nại ra rằng vì chị phải đi làm ăn xa nên không biết việc ông B san gạt đất làm nhà, mãi tới năm 2010 khi chị A nhận được sổ đỏ về lô đất trên chị A mới đến nhà ông B trao đổi, không thể thương lượng được chị A mới khởi kiện ra Toà.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Uỷ ban nhân dân huyện Than Uyên cấp cho hộ chị A từ năm 2005 nhưng tới năm 2010 chị A mới nhận được bìa đỏ lúc này chị A mới biết chị có sổ đỏ khu đất ông B đang ở.

Về quy trình cấp GCNQSDĐ của hộ gia đình chị A do uỷ ban nhân dân huyện Than Uyên cung cấp thể hiện căn cứ để hộ gia đình chị A được cấp GCNQSDĐ năm 2005 dựa trên cơ sở thu hồi diện tích 1200m² theo GCNQSDĐ cấp năm 2000 để cấp lại. Tuy nhiên quá trình rà soát để thu hồi cấp lại đất uỷ ban nhân dân huyện đã có sự nhầm lẫn giữa việc thu hồi cấp lại, và cấp mới hoàn toàn, hộ gia đình chị A khi thu hồi một mảnh đất nhưng lại được cấp lại 2 GCNQSDĐ ở hai vị trí hoàn toàn khác nhau, diện tích đất cấp năm 2005 không nằm trong diện tích đất thu hồi cấp năm 2000.

Đối với diện tích lô đất đang tranh chấp tại sơ đồ địa chính tổng quát năm 2000 chưa được cấp GCNQSDĐ lần nào, nếu giao đất năm 2005 phải là giao mới chứ không phải cấp lại.

Kết quả trả lời công văn số 05/CV-TA của Tòa án, ngày 15/12/2011 Phòng Tài nguyên và Môi trường đã có báo cáo kết quả xác minh tranh chấp đất giữa hộ ông Hoàng Văn B và bà Phạm Thị A.

Xét thấy nội dung báo cáo trên đã chỉ rõ nhưng mâu thuẫn trong việc giao đất cho hộ gia đình chị A năm 2005 có sự nhầm lẫn và chồng chéo.

Bản đồ giao đất lâm nghiệp năm 2000 theo *Nghị định 163/1999/NĐ-CP ngày 16/11/1999 của Chính phủ về việc giao đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình và cá nhân sử dụng ổn định lâu dài* có tên bà Lường Thị D, trú tại khu 9 thị trấn Than Uyên là vợ ông B đứng tên có số thửa 116 diện tích 1.1911m², hộ ông Nguyễn Thành Trung chồng bà A có thửa 115 diện tích 4.746m² hai thửa đất lâm nghiệp liền kề nhau.

Khi thực hiện cấp đổi đất lâm nghiệp năm 2005, toàn bộ diện tích đất của thửa 116 đã được khoanh cùng vào diện tích 115 và được đổi thành thửa số 175 diện tích 4.438m² chính xác nằm đúng vị trí hộ gia đình ông Hoàng Văn B khu 9 đang dựng nhà.

Nguyên nhân, lý do mà trong quyết định thu hồi giấy CNQSDĐ thể hiện có sự nhầm lẫn là do tại thời điểm cấp GCNQSDĐ hộ gia đình anh Trung - chị A đang mượn đất của ông Hoàng Văn B trồng chè theo dự án 327 thì có đợt cấp giấy CNQSDĐ theo nghị định số 163 của Chính phủ.

Tại phiên toà ngày hôm nay chị A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông Hoàng Văn B và ông Lường Văn C phải trả lại lô đất nói trên và đền bù tất cả số cây lâm nghiệp mà ông B và ông C đã khai thác trên lô đất của chị. Yêu cầu của chị A thể hiện rõ khi lấy lời khai và hoà giải giữa các bên đương sự, chị A đề nghị nếu ông B không trả đất thì phải bồi thường cho chị số tiền là 26.628.000 đồng, biên bản hoà giải ngày 29/6/2011 chị A đề nghị nếu ông B không trả đất thì phải trả cho chị số tiền là: 100.000.000 đồng, tuy nhiên tại phiên toà ngày hôm nay chị A trình bày giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu.

Xét thấy nội dung yêu cầu của chị A về việc đòi lại lô đất chị đã được cấp năm 2005 hiện tại đang do ông B và ông C sử dụng, đã có kết quả giải quyết của uỷ ban nhân dân huyện Than Uyên, Uỷ ban nhân dân huyện Than Uyên đã xem xét việc cấp đất cho hộ gia đình chị A có sự chồng chéo nên ngày 14/02/2012 uỷ

ban nhân dân huyện Than Uyên đã có báo cáo gửi Toà án đồng thời ban hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 156/QĐ-UBND ngày 15/02/2012 thu toàn bộ diện tích đất đã cấp cho hộ ông Nguyễn Thành Trung bà Phạm Thị A năm 2005 diện tích 4438m² tại thửa đất 175 tờ bản đồ số 01, khoảnh 04 tiểu khu 631a, địa chỉ thửa đất khu 9 thị trấn huyện Than Uyên, xét thấy nội dung giải quyết tranh chấp của uỷ ban nhân dân huyện Than Uyên là có căn cứ đúng quy định của pháp luật, do vậy Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu đòi lại đất chị A không được chấp nhận cần phải bác yêu cầu đó. Khi đã thực hiện thu hồi lô đất đã cấp cho hộ gia đình ông Nguyễn Thành Trung bà Phạm Thị A kiến nghị uỷ ban nhân dân huyện Than Uyên cần sớm xem xét để giao đất cho đúng đối tượng sử dụng.

Đối với yêu cầu đòi đền bù số cây lâm nghiệp mà chị A cho rằng ông B và ông C đã khai thác, quá trình điều tra xác minh thấy rằng việc chị A chồng chè rồi bỏ hoang không chăm sóc, do vậy cây chè không phát triển và thực tế tại thời điểm phát sinh tranh chấp cây chè chỉ còn lác đác vài gốc bị bỏ không chăm sóc nên không có sở nào đề chị A buộc ông B và ông C phải thanh toán số cây lâm nghiệp trên. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên chị A phải chịu toàn bộ chi phí cho việc xem xét hiện trạng, đo đạc diện tích của Hội đồng đo đạc định giá tài sản.

Về án phí, chị A phải chịu toàn bộ án phí đối với yêu cầu khởi kiện không được Toà án chấp nhận.

Tại phiên toà, đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên đề nghị Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 điều 136 - Luật đất đai năm 2003; Điều 21, 25, 33, 208 210, 238, 239 - Bộ luật tố tụng dân sự 2011

1. Bác yêu cầu tranh chấp về quyền sử dụng đất của chị Phạm Thị A đối với ông Hoàng Văn B, ông Lương Văn C.

Kiến nghị uỷ ban nhân dân huyện Than Uyên, sau khi đã thực hiện thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp số AC 640584 tờ bản đồ số 01 thửa 175 khoảnh 4 tiểu khu 631a diện tích 4438m² đã cấp cho hộ gia đình bà Phạm Thị A (Nguyễn Thành Trung) khu 10 thị trấn Than Uyên, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu cần sớm xem xét để giao đất cho đúng đối tượng được sử dụng theo quy định của Nhà nước.

2. Về án phí Dân sự sơ thẩm:

Áp dụng điều 131 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 điều 27 pháp lệnh án phí, lệ phí Toà án.

Buộc chị Phạm Thị A phải 1.331.400 đồng án phí dân sự sơ thẩm (xác nhận chị đã nộp tạm ứng án phí 665.700 đồng theo biên lai số: 0001504 ngày

20/12/2010 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Than Uyên.) Chị A còn phải thi hành tiếp số tiền án phí là 666.000 đồng).

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp trên.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh: 1.
- VKS huyện: 2.
- Cơ quan THADS: 1.
- các đương sự: 4.
- UBND huyện Than Uyên
- Lưu SH- TA: 3.

T/ M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Giang Thị Vượng